

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.04.08

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point		Total Poin
				第一站	第二站	
1	Christian Trenchev	TRIGON FACTORY RACING	CAN	28	50	78
2	Martin Papanov	TRIGON FACTORY RACING	BUL	30	33	63
3	李廷威	Ljubljana Gusto Santic	TWN		50	50
4	黃冠霖	前勁車隊	TWN	50		50
5	謝博崑	TEAM WAYPOINT	TWN	15	30	45
6	黃暉程	前勁車隊	TWN	42		42
7	黃文忠	EPIC Racing Team	TWN	15	24	39
8	Marco marchetti		ITA		37	37
9	張恩騰	前勁車隊	TWN	37		37
10	曾奕維	EPIC Racing Team	TWN	15	22	37
11	呂靖	FTL Cycling	TWN	20	15	35
12	陳世宜	前勁車隊	TWN	33		33
13	蔡承儒	FTL Cycling	TWN	15	15	30
14	張瀚允	歐北共	TWN		28	28
15	林旻澤		TWN		26	26
16	楊鴻銘	FTL Cycling	TWN	26		26
17	陳亮志	悠活單車	TWN	10	15	25
18	譚皓璋	EPIC Racing Team	TWN	10	15	25
19	葉軒佑	FTL Cycling	TWN	24		24
20	周致磊	前勁車隊	TWN	22		22
21	Lee Trumpore		USA		20	20
22	胡嘉恩	Team Dream LAB	TWN	3	15	18
23	Jamie Paul [JP] Brocket	TRIGON FACTORY RACING	TWN	15		15
24	王昕		TWN		15	15
25	王紹佟	瑞士釘四季車隊	TWN		15	15
26	王鴻瑞	FTL Cycling	TWN	15		15
27	洪稟詠	新社鎂光	TWN		15	15
28	張冠臻	TRIGON FACTORY RACING	TWN	15		15
29	陳浩鈞	TEAM WAYPOINT	TWN	15		15
30	陳貴丞		TWN		15	15
31	程永源	TEAM WAYPOINT	TWN	15		15
32	黃昱承	新社鎂光	TWN		15	15
33	劉家良	悠活單車	TWN	15		15
34	潘彥文	Lohas cycling team	TWN		15	15
35	賴威宇	TEAM WAYPOINT	TWN	15		15
36	許書璋	悠活單車	TWN	10	3	13
37	Seungmin Lee		KOR		10	10
38	江秉樺	GBike森車隊	TWN		10	10
39	江昱宏	QOM	TWN		10	10
40	宋易承	Team Dream LAB	TWN	10		10
41	林成翰	TEAM WAYPOINT	TWN	10		10

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.04.08

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point		Total Poin
				第一站	第二站	
42	張祐誠	TRIGON FACTORY RACING	TWN	10		10
43	曹宏彰	GBike森車隊	TWN		10	10
44	陳品宏	GBike森車隊	TWN		10	10
45	陳奎佑	Team Dream LAB	TWN	10		10
46	陳迪軒		HKG		10	10
47	黃尉嘉	悠活單車	TWN	10		10
48	劉致偉		TWN		10	10
49	劉喜德	悠活單車	TWN	10		10
50	靜聖鈞		TWN		10	10
51	羅士恩	瑞士釘四季車隊	TWN		10	10
52	王弘宇	臺中市外埔國中	TWN	3	3	6
53	賴宜駿	臺中市外埔國中	TWN	3	3	6
54	Aaron Krive		USA		3	3
55	Akiko Koike		JPN		3	3
56	Alan Chow	Kowloon East Riders	HKG		3	3
57	Chua Yam Kee	3J	SGP		3	3
58	David J Dominguese		USA		3	3
59	Dawid Rozwadowski	Kowloon East Riders	SWE		3	3
60	Guillaume Hebert	BBR TEAM	FRA		3	3
61	Ho Cheung Chung		CAN		3	3
62	Lee Yan Leong	3J	SGP		3	3
63	Leong Lionel Chun Ho		HKG		3	3
64	Leonie Yang		GER		3	3
65	Lim Hui Li Angie	3J	SGP		3	3
66	Liu Chun Man	Kowloon East Riders	HKG		3	3
67	Liu Jia Ming	3J	MAS		3	3
68	Maxence	BBR TEAM	FRA		3	3
69	Michael Ross Rasmussen		DEN		3	3
70	Navik Numsiang	Intania Cycling	THA		3	3
71	NG CHU Ming		SGP		3	3
72	Peter Schnauber		GER		3	3
73	Seban		FRA		3	3
74	Seow King Lim	3J	MAS		3	3
75	shuhua xiang		USA		3	3
76	Sira Tindukasiri	Intania Cycling	THA		3	3
77	Teeradej Bhrompathama	Intania Cycling	THA		3	3
78	Teoh Wai Won	3J	SGP		3	3
79	Vudthikorn Udol	Intania Cycling	THA		3	3
80	Wai Heung Ho 何偉雄		USA		3	3
81	卜鴻章		TWN		3	3
82	王上瑜	腳踏車帕魯	TWN		3	3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.04.08

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point		Total Poin
				第一站	第二站	
83	王林	李宗鑫	TWN		3	3
84	王韋婕	哥倫布單車	TWN		3	3
85	王韋盛	玩家單車	TWN		3	3
86	王健宇		TWN		3	3
87	王脩然	跟著教練騎	TWN		3	3
88	王漢傑		TWN		3	3
89	王譯萱	Lohas cycling team	TWN		3	3
90	田政蔚	Q0M	TWN		3	3
91	朱宸興	日南國中車隊	TWN	3		3
92	朱恩祈	新竹市ZIV伊諾華車隊-國中	TWN	3		3
93	朱賢治		TWN		3	3
94	江孟益		TWN		3	3
95	何國維	裕進單車	TWN	3		3
96	吳玉鳳	東林扶輪社	TWN		3	3
97	吳沅翰	桃園市聯隊-國中	TWN	3		3
98	吳昱兌	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3		3
99	吳師道		TWN		3	3
100	吳維晨		TWN		3	3
101	宋介文		TWN		3	3
102	宋宥燐	桃園市聯隊-國中	TWN	3		3
103	宋國翔	Team Dream LAB	TWN	3		3
104	巫建廷	臺中市外埔國中	TWN	3		3
105	李世斌	日南國中車隊	TWN	3		3
106	李汪捷		TWN		3	3
107	李佳珊	哥倫布單車	TWN		3	3
108	李宗鑫	李宗鑫	TWN		3	3
109	李家豪	楊志凱	TWN		3	3
110	李嘉宸	桃園市聯隊-國中	TWN	3		3
111	李鴻儒	腳踏車帕魯	TWN		3	3
112	周逸文	Q0M	TWN		3	3
113	周煜晟		TWN		3	3
114	林以特	裕進單車	TWN	3		3
115	林立強	Lohas cycling team	TWN		3	3
116	林志宇	裕進單車	TWN	3		3
117	林宜原	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3		3
118	林怡伶	早鳥演員訓練班-米咕嚕組	TWN		3	3
119	林俊廷	Fun Ride Cycling Team	TWN		3	3
120	林冠宇	Q0M	TWN		3	3
121	林建成	成峯破浪直奔高點KOM	TWN		3	3
122	林靖恒		TWN		3	3
123	林澹澤		TWN		3	3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.04.08

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point		Total Poin
				第一站	第二站	
124	花嘉鴻	東林扶輪社	TWN		3	3
125	邱忠賢	Lohas cycling team	TWN		3	3
126	侯克林		TWN		3	3
127	涂偉凱	鄧凱文	TWN		3	3
128	姜智洋	新竹市ZIV伊諾華車隊-國中	TWN	3		3
129	施棟瀝	楊志凱	TWN		3	3
130	洪梓燁		HKG		3	3
131	孫銘俊	東林扶輪社	TWN		3	3
132	徐啟榮	東林扶輪社	TWN		3	3
133	秦培堯		TWN		3	3
134	翁顥璋	東京熱不熱	TWN		3	3
135	馬嘉莉	哥倫布單車	TWN		3	3
136	高偉翔	跟著教練騎	TWN		3	3
137	張明洲		TWN		3	3
138	張惟哲	腳踏車帕魯	TWN		3	3
139	張凱鈞	哥倫布單車	TWN		3	3
140	張維仁		TWN		3	3
141	張維可		TWN		3	3
142	張鑫	Fun Ride Cycling Team	TWN		3	3
143	曹榮松	Lohas cycling team	TWN		3	3
144	梁皓評	寶寶寶	TWN		3	3
145	梁毅偉		TWN		3	3
146	許自來		TWN		3	3
147	許佳瑜		TWN		3	3
148	許明儒	GBike森車隊	TWN		3	3
149	許倍銜		TWN		3	3
150	許哲綸	臺中市外埔國中	TWN	3		3
151	郭儒靜		TWN		3	3
152	陳子宏	GBike森車隊	TWN		3	3
153	陳宏鈞	腳踏車帕魯	TWN		3	3
154	陳其鴻		TWN		3	3
155	陳東楷	腳踏車帕魯	TWN		3	3
156	陳泓達	新竹市ZIV伊諾華車隊-國中	TWN	3		3
157	陳金生		TWN		3	3
158	陳冠文	Q0M	TWN		3	3
159	陳冠羲	裕進單車	TWN	3		3
160	陳品齊	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3		3
161	陳炳安	新社鎂光	TWN		3	3
162	陳偉		TWN		3	3
163	彭煒喆	HSB	TWN		3	3
164	彭祺宇	裕進單車	TWN	3		3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.04.08

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point		Total Poin
				第一站	第二站	
165	曾文章		TWN		3	3
166	曾欽達		TWN		3	3
167	曾耀輝		TWN		3	3
168	游子奕	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3		3
169	游凱麟		TWN		3	3
170	甯翊軒	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3		3
171	程紹華	東林扶輪社	TWN		3	3
172	黃上榮		TWN		3	3
173	黃文炳		TWN		3	3
174	黃向華		TWN		3	3
175	黃俊翔	GBike森車隊	TWN		3	3
176	黃信瑋	Lohas cycling team	TWN		3	3
177	黃宥承	日南國中車隊	TWN	3		3
178	黃宥然	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3		3
179	黃泰瑋		TWN		3	3
180	黃偉靈		TWN		3	3
181	黃崇詳	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3		3
182	黃意婷	腳踏車帕魯	TWN		3	3
183	黃楷翔	HSB	TWN		3	3
184	黃麒升	成峯破浪直奔高點KOM	TWN		3	3
185	楊志凱	楊志凱	TWN		3	3
186	楊拓	新竹市ZIV伊諾華車隊-國中	TWN	3		3
187	楊皓	新竹市ZIV伊諾華車隊-國中	TWN	3		3
188	楊鯉璟	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3		3
189	萬嘉慶		TWN		3	3
190	廖羽柔	東京熱不熱	TWN		3	3
191	劉宇騏	腳踏車帕魯	TWN		3	3
192	劉恩秀	日南國中車隊	TWN	3		3
193	練盈良	哥倫布單車	TWN		3	3
194	蔡政廷	Team Dream LAB	TWN	3		3
195	蔡政儒	Fun Ride Cycling Team	TWN		3	3
196	蔡庭嘉	寶寶寶	TWN		3	3
197	蔡智祥		TWN		3	3
198	蔡皓丞	楊志凱	TWN		3	3
199	蔡銘禧		TWN		3	3
200	鄧永茂	Lohas cycling team	TWN		3	3
201	鄧凱文	鄧凱文	TWN		3	3
202	鄭光廷	寶寶寶	TWN		3	3
203	鄭淑貞	玩家單車	TWN		3	3
204	鄭駿睿	日南國中車隊	TWN	3		3
205	蕭聖諺	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3		3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.04.08

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point		Total Poin
				第一站	第二站	
206	賴昆佑		TWN		3	3
207	賴宥丞	臺中市外埔國中	TWN	3		3
208	賴振彬		TWN		3	3
209	謝含光		TWN		3	3
210	謝承諺	桃園市聯隊-國中	TWN	3		3
211	鍾弘毅		TWN		3	3
212	鍾旻皓	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3		3
213	鍾瀚霆	桃園市聯隊-國中	TWN	3		3
214	簡欣儀	跟著教練騎	TWN		3	3
215	藍德漢		HKG		3	3
216	顏模崧		TWN		3	3
217	羅啟斌	Fun Ride Cycling Team	TWN		3	3
218	蘇旻煌	鄧凱文	TWN		3	3
219	蘇鎮緯	EPIC Racing Team	TWN	3		3